

Số: 140 /GPMT-UBND

Đồng Nai, ngày 02 tháng 12 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 10-2024/GPMT-TH10 ngày 27 tháng 3 năm 2024 và các Văn bản số: 06-2024/GPMT-TH10 ngày 01 tháng 10 năm 2024, 09-2024/GPMT-TH10 ngày 31 tháng 10 năm 2024 và 11-2024/GPMT-TH10 ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Công ty TNHH Đặng Huỳnh Gia về việc chỉnh sửa nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở "Đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi 2.400 con heo nái, quy mô 7.830 m<sup>2</sup> chuồng trại" tại xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 649/TTr-STNMT ngày 25 tháng 11 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Đặng Huỳnh Gia được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi 2.400 con heo nái, quy mô 7.830 m<sup>2</sup> chuồng trại" tại xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi 2.400 con heo nái, quy mô 7.830 m<sup>2</sup> chuồng trại.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp: 3603427196, đăng ký lần đầu ngày 09

tháng 12 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 22 tháng 12 năm 2016 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3603427196.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh bất động sản, cho thuê chuồng trại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Diện tích khu đất xây dựng trại 49.042,7 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích xây dựng các hạng mục công trình chăn nuôi chính là 8.136 m<sup>2</sup> chuồng trại.

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô, công suất: 2.400 con heo nái.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

### **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Đặng Huỳnh Gia:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Đặng Huỳnh Gia có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Từ ngày 02 tháng 12 năm 2024 đến ngày 02 tháng 12 năm 2034).

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 4428/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2017 và Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án số 10407/GXN-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH Đặng Huỳnh Gia;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Xuân Lộc;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 140/GPMT-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

### 1. Nguồn phát sinh nước thải

#### a) Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt:

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà công nhân với lưu lượng khoảng 2,56 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà kỹ thuật, nhà điều hành (nhà văn phòng) với lưu lượng khoảng 0,8 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà bảo vệ với lưu lượng khoảng 0,32 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Nguồn 04: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà tắm với lưu lượng khoảng 0,55 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ khu vực rửa ủng với lưu lượng khoảng 04 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà ăn với lưu lượng khoảng 5,7 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

#### b) Nguồn phát sinh nước thải chăn nuôi:

- Nguồn số 07: Nước thải chăn nuôi phát sinh từ nước uống cho heo với lưu lượng khoảng 62 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Nguồn số 08: Nước thải chăn nuôi phát sinh từ nước tắm rửa cho heo, rửa chuồng trại với lưu lượng khoảng 63 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tự chảy ra suối nhỏ nằm cạnh khu đất của trại.

2.2. Vị trí xả nước thải: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý chảy vào hồ sau xử lý tại đây dùng bơm chìm công suất 2HP và phao tự động khi nước đầy qua khỏi phao sẽ tự động bơm ra suối, bơm nước thải ra ngoài suối bằng đường ống PVC D60 suối nhỏ nằm cạnh khu đất của trại tại xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Tọa độ vị trí xả nước thải X(m): 1202626; Y(m): 461503  
(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107045', múi chiều 30).

2.3. Lưu lượng xả nước thải tối đa: 139 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tự chảy ra suối nhỏ nằm cạnh khu đất của trại.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục, 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A với  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,1$ .

Stt	Tên	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 - 9	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	TSS	mg/L	49,5		
3	BOD <sub>5</sub>	mg/L	39,6		
4	COD	mg/L	99		
5	Tổng Nitơ	mg/L	49,5		
6	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100mL	3.000		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

a) Đối với nước thải sinh hoạt:

- Nước thải phát sinh từ khu vực nhà công nhân với lưu lượng khoảng  $2,56\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ . Đối với nước phát sinh từ nhà ở công nhân được thu gom về bể tự hoại (TH2)  $12,3\text{ m}^3$  theo đường ống PVC D90 dài 93 m, sau đó theo đường ống từ bể tự hoại (TH2) đến hố ga HG25 vị trí hố ga tại nhà heo nái để bằng đường PVC D90 dài 106m, từ hố ga HG25 theo đường ống PVC D300 dài khoảng 119m chảy về hố ga tập trung HG24 rồi theo đường ống PVC D300 dài khoảng 15 m đến hầm Biogas.

- Nước thải phát sinh từ khu vực nhà kỹ thuật, nhà điều hành (nhà văn phòng) với lưu lượng khoảng  $0,8\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ . Cụ thể:

+ Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực nhà ở kỹ thuật được thu gom về bể tự hoại (TH1)  $19,35\text{ m}^3$  theo đường ống PVC D90 dài 35m, sau đó theo đường ống từ bể tự hoại (TH1) đến hố ga HG1 vị trí hố ga tại nhà heo nái để bằng đường PVC D90 dài 48 m. Từ đây nước thải đầu nối vào các hố ga bằng đường ống PVC D300 dài khoảng 240 m chảy về hố ga tập trung HG24 rồi theo đường ống PVC D300 dài khoảng 15 m đến hầm Biogas.

+ Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà điều hành phát sinh được thu gom về bể tự hoại (TH3) 12,6 m<sup>3</sup> theo đường ống PVC D90 dài 03 m, sau đó nước thải từ bể tự hoại (TH3) theo đường ống PVC D90 dài 45 m chảy về hố ga HG25, từ hố ga HG25 theo đường ống PVC D300 dài khoảng 119 m chảy về hố ga tập trung HG24 rồi theo đường ống PVC D300 dài khoảng 15 m đến hầm Biogas.

- Nước thải phát sinh từ khu vực nhà bảo vệ với lưu lượng khoảng 0,32m<sup>3</sup>/ngày đêm. Đối với nước phát sinh từ nhà bảo vệ được thu gom về bể tự hoại (TH2) 12,3 m<sup>3</sup> theo đường ống PVC D90 dài 93 m, sau đó theo đường ống từ bể tự hoại (TH2) đến hố ga HG25 vị trí hố ga tại nhà heo nái để bằng đường PVC D90 dài 106m, từ hố ga HG25 theo đường ống PVC D300 dài khoảng 119 m chảy về hố ga tập trung HG24 rồi theo đường ống PVC D300 dài khoảng 15 m đến hầm Biogas.

- Nước thải phát sinh từ khu vực nhà tắm với lưu lượng khoảng 0,55m<sup>3</sup>/ngày đêm. Đối với nước phát sinh từ nhà tắm được thu gom về bể tự hoại (TH2) 12,3 m<sup>3</sup> theo đường ống PVC D90 dài 93 m, sau đó theo đường ống từ bể tự hoại (TH2) đến hố ga HG25 vị trí hố ga tại nhà heo nái để bằng đường PVC D90 dài 106 m, từ hố ga HG25 theo đường ống PVC D300 dài khoảng 119m chảy về hố ga tập trung HG24 rồi theo đường ống PVC D300 dài khoảng 15m đến hầm Biogas.

- Nước thải phát sinh từ khu vực rửa ủng với lưu lượng khoảng 04 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Nước thải sinh hoạt từ nhà rửa ủng phát sinh được thu gom về bể tự hoại (TH3) 12,6m<sup>3</sup> theo đường ống PVC D90 dài 03 m, sau đó nước thải từ bể tự hoại (TH3) theo đường ống PVC D90 dài 45 m chảy về hố ga HG25, từ hố ga HG25 theo đường ống PVC D300 dài khoảng 119 m chảy về hố ga tập trung HG24 rồi theo đường ống PVC D300 dài khoảng 15 m đến hầm Biogas.

- Nước thải phát sinh từ khu vực nhà ăn với lưu lượng khoảng 5,7 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Đối với nước phát sinh từ khu vực nhà ăn thu gom về bể tách dầu mỡ thể tích khoảng 03 m<sup>3</sup> để loại bỏ dầu mỡ và cặn bã trong nước thải tránh văng dầu mỡ tích tụ trong làm tắc nghẽn đường ống sau đó nước thải theo đường ống PVC Ø90 dài 40 m đầu nối từ bể tách dầu mỡ vào đầu ra của bể tự hoại, sau đó theo đường ống từ bể tự hoại (TH2) đến hố ga HG25 vị trí hố ga tại nhà heo nái để bằng đường PVC D90 dài 106 m, từ hố ga HG25 theo đường ống PVC D300 dài khoảng 119 m chảy về hố ga tập trung HG24 rồi theo đường ống PVC D300 dài khoảng 15 m đến hầm Biogas.

b) Đối với nước thải chăn nuôi:

Phát sinh từ quá trình tắm heo, nước tiểu của heo, nước uống cho heo bị rơi vãi ra ngoài và nước thải từ hoạt động khử trùng, vệ sinh thiết bị, chuồng trại định kỳ.

- Đối với nước sát trùng xe: quá trình sát trùng được thực hiện ngoài cổng trại và được xịt thủ công trực tiếp lên xe, lượng nước thải này phát sinh không đáng kể, phần lớn là bay hơi.

- Nước thải phát sinh từ khu vực chuồng trại:

+ Nước thải từ các chuồng heo nái đẻ, heo nái mang thai, bể rửa đàn (nằm ở phía Tây của trại) thu gom ra các hố ga bằng ống PVC D300 dài khoảng 240m về hố ga tập trung HG24 rồi tiếp tục theo đường ống PVC D300 dài khoảng 15m đến hầm Biogas.

+ Nước thải từ khu vực nhà heo cách ly, heo mới nhập về thu gom ra các hố ga bằng ống PVC D300 nước thải sau đó chảy vào hố ga HG43 và HG39 theo đường ống PVC D300 dài khoảng 08 m. Toàn bộ nước thải tại HG39 theo đường ống PVC D300 dài khoảng 04 m đầu nối vào hố ga tập trung HG 24 rồi tiếp tục theo đường ống PVC D300 dài khoảng 15 m đến hầm Biogas.

+ Nước thải từ khu vực nhà heo cách ly, heo nghi mắc bệnh thu gom ra các hố ga bằng ống PVC D300 nước thải sau đó chảy vào hố ga HG47, từ HG47 theo đường ống PVC D300 dài khoảng 23m chảy về HG23 tiếp tục từ đây chảy về hố ga tập trung HG 24 rồi tiếp tục theo đường ống PVC D300 dài khoảng 15m đến hầm Biogas.

+ Nước thải từ khu vực nhà heo nọc thu gom ra các hố ga bằng ống PVC D300 dài khoảng 09 m về hố ga HG15. Nước thải từ hố ga HG15 chảy về hố ga tập trung HG 24 theo đường ống PVC D300 dài khoảng 60 m, rồi từ hố ga tập trung HG24 thu gom đến hầm Biogas bằng ống PVC D300 dài 15 m.

+ Nước thải từ nhà xuất heo thu gom ra các hố ga bằng ống PVC D300 dài khoảng 119m về hố ga tập trung HG24 rồi tiếp tục theo đường ống PVC D300 dài khoảng 15 m đến hầm Biogas.

+ Nước thải từ khu vực các chuồng heo nái đẻ, heo nái mang thai, bể rửa đàn (gần khu vực hệ thống xử lý nước thải nằm ở phía Đông của trại) thu gom ra các hố ga bằng ống PVC D300 dài khoảng 119 m về hố ga tập trung HG24 rồi tiếp tục theo đường ống PVC D300 dài khoảng 15 m đến hầm Biogas.

+ Toàn bộ nước thải chăn nuôi và sinh hoạt sau khi chảy vô hầm Biogas sẽ dẫn về hồ tùy nghi rồi chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm của trại để xử lý đạt quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A,  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 1,1$ . Sau hệ thống xử lý nước thải từ hồ chứa nước sau xử lý có lắp đặt bơm chìm công suất 2HP để bơm nước thải thoát ra suối nhỏ bằng đường ống PVC D60 dài 150 m.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → hố tập trung → Hầm Biogas → Hồ tùy nghi (có lót bạt chống thấm) → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khuấy nhanh → Bể khuấy chậm → Bể lắng hóa lý → Hồ sau xử lý → Nguồn tiếp nhận.

- Vị trí tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý chảy vào hồ sau xử lý tại đây dùng bơm chìm công suất 2HP và phao tự động khi nước đầy qua khỏi phao sẽ tự động bơm ra suối, bơm nước thải ra ngoài suối bằng

đường ống PVC D60 suối nhỏ nằm cạnh khu đất của trại tại xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Tọa độ vị trí xả thải: (X = 1202626; Y = 461503 theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107045, múi chiếu 30).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, PAC, Polymer, Hóa chất khử màu, Chlorin.

- Công suất thiết kế: 200 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Thường xuyên theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý nước thải; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ để tăng khả năng thoát nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

b) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc, tình trạng hoạt động để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Các máy móc, thiết bị đều có dự phòng để phòng trường hợp hư hỏng cần sửa chữa.

- Hướng dẫn an toàn vận hành hệ thống xử lý: công nhân vận hành sẽ được đào tạo các kiến thức về an toàn khi vận hành hệ thống xử lý nước thải. Đây là một trong những bài học quan trọng không thể thiếu đối với người trực tiếp vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố và ngưng hoạt động, sẽ tiến hành khóa van nước chảy từ hồ tùy nghi về bể điều hòa lại và nước thải sẽ được lưu chứa trong hồ tùy nghi và một phần được lưu chứa trong bể điều hòa đảm bảo không thải nước thải chưa qua xử lý ra ngoài môi trường với thời gian lưu chứa > 24 h. Khi hệ thống xử lý nước thải được sửa chữa và khắc phục xong, sẽ tiến hành mở van, nước thải từ hồ tùy nghi sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý theo như quy trình ban đầu.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:** Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.



### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, nước thải sau xử lý của Trại phải bảo đảm đáp ứng xử lý đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn về nước thải chăn nuôi, cột A,  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,1$  trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc.

3.4. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các hồ chứa nước thải đầu vào, hồ chứa nước thải sau xử lý nhằm kịp thời phát hiện hư hỏng bật chống thấm và thay thế, khắc phục tránh nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất, nước dưới đất.

3.5. Theo dõi, kiểm soát hóa chất, vật liệu sử dụng trong vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của cơ sở.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra môi trường.



## Phụ lục 2

# **YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 140/GPMT-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do dự án không phát sinh khí thải tại nguồn, không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường).

### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI**

Trại sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu mùi hôi phát sinh tại khu vực chăn nuôi đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

1. Đã xây dựng chuồng trại cao ráo, thông thoáng, bố trí hệ thống quạt hút hoạt động liên tục tăng cường độ thông thoáng.

2. Thường xuyên nạo vét, khơi thông các công trình thu gom nước thải tránh gây ứ đọng, phát sinh mùi hôi.

3. Trồng cây xanh bao quanh khuôn viên, ao chứa nước thải, giảm thiểu tối nhất khả năng phát tán các khí từ khu vực chăn nuôi ra ngoài môi trường.

4. Phía sau các dãy chuồng trại Công ty đã bố trí 49 hệ thống quạt hút 50" 1HP 3 pha và hệ thống làm mát. Để giảm thiểu mùi phát tán ra môi trường xung quanh sau quạt hút, tại bể chứa nước làm mát, công ty đã bổ sung thêm chế phẩm EM, Farmcare-3 Triple G Hi-cop.

5. Nhà để phân: Phân sau khi được thu gom từ chuồng trại sẽ được đóng thành bao 25kg, miệng bao được cột chặt, phân heo sau khi được thu gom sẽ ủ kết hợp với phun sát trùng bằng thuốc Farmcare-3 Triple G Hi-cop và vôi bột. Định kỳ khu vực gom phân heo của chuồng nuôi: Sử dụng vôi bột (CaO) pha 200g/m<sup>2</sup> dày 20 cm phun đều vùng gây ra mùi hôi, phun định kỳ 02 - 03 ngày một lần. Sử dụng Farmcare-3 Triple G Hi-cop pha với tỷ lệ 1 kg thuốc pha với 240 lít nước phun đều vùng gây ra mùi hôi, phun định kỳ 03 - 05 ngày một lần.

6. Khu vực xử lý nước thải: Bề mặt hầm Biogas được phủ bạt HDPE dày 01mm nhằm lưu giữ các khí gas sinh ra trong hầm và sau đó được sử dụng làm nhiên liệu đốt. Trại sẽ thực hiện thường xuyên kiểm tra bạt, phát hiện kịp thời và có phương án sửa chữa hoặc thay thế khi bạt thủng. Nước thải sau từ hầm Biogas được dẫn qua các hồ xử lý đã giảm đi đáng kể khả năng phát sinh ra mùi hôi.

7. Thường xuyên phun nước tạo ẩm đường nội bộ để hạn chế bụi phát tán.

8. Sử dụng loại nhiên liệu đốt là dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh thấp (0,05%S) khi hoạt động máy phát điện dự phòng.



### Phụ lục 3

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 140/GPMT-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn và vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:
    - + Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng. Tọa độ X = 1202893; Y = 461441.
    - + Nguồn số 02: Hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ X = 1202698; Y = 461519.
    - + Nguồn số 03: Sau dây quạt hút nhà heo mang thai (dãy 1). Tọa độ X = 1202765; Y = 461446.
    - + Nguồn số 04: Sau dây quạt hút nhà heo mang thai (dãy 2). Tọa độ X = 1202768; Y = 461314.
    - + Nguồn số 05: Sau dây quạt hút nhà heo nái đẻ (dãy 1). Tọa độ X = 1202696; Y = 461456.
    - + Nguồn số 06: Sau dây quạt hút nhà heo nái đẻ (dãy 2). Tọa độ X = 1202698; Y = 461304.
    - + Nguồn số 07: Sau dây quạt hút nhà heo nọc. Tọa độ X = 1202810.; Y = 461436.
    - + Nguồn số 08: Sau dây quạt hút nhà heo cách ly. Tọa độ X = 1202862; Y = 461447.
- (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107<sup>o</sup>45, múi chiều 3<sup>o</sup>)

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

#### 2.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

#### 2.2. Độ rung:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	60	Khu vực thông thường

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ chăn nuôi được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất. Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời các phương tiện giao thông phục vụ dự án; kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng cho các phương tiện giao thông.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



## Phụ lục 4

# YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 140/GPMT-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

#### 1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

##### 1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Khối lượng phát sinh: 1.900.kg/năm.

Stt	Loại chất thải nguy hại	Trạng thái (Rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Bùn thải	Bùn	500	12 06 05	KS
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất sắc nhọn)	Rắn	30	13 02 01	NH
3	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Lỏng	50	13 02 02	KS
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	250	16 01 06	NH
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	10	16 01 12	NH
6	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	50	17 02 04	NH
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	1.000	18 01 03	KS
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	10	18 02 01	KS
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.900</b>		

Đối với heo chết do dịch bệnh (nếu có), Chủ cơ sở liên hệ với địa phương để được hướng dẫn xử lý theo quy định.

##### 1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng phát sinh: 3.036.140 kg/năm.

TT	Nhóm CTRCNTT	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại (*)	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in	08 02 08	Rắn	TT	2
2	Thùng carton, bao bì	09 03 04	Rắn	TT	200
3	Hỗn hợp dầu, mỡ thải và chất béo từ quá trình phân tách dầu/nước	12 06 11	Lỏng	TT	50
4	Heo chết không do dịch bệnh	14 01 10	Rắn	TT	38.320
5	Nhau heo		Rắn	TT	4.263
6	Bùn thải tự bề tự hoại	-	Bùn	TT	300
7	Phân heo	14 01 12	Rắn	TT	2.402.414
8	Bùn phát sinh từ Hầm Biogas		Bùn	TT	588.591
9	Bao bì đựng cám	18 01 11	Rắn	TT-R	2.000
<b>Tổng khối lượng</b>					<b>3.036.140</b>

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải thực phẩm	6
2	Chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng	1
3	Chất thải còn lại	1
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>8</b>

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa rác có nắp đậy dung tích 240L.

2.1.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 12 m<sup>2</sup>.

- Khu lưu chứa chất thải nguy hại: Nhà chứa xây dựng bằng tường xây gạch; mặt sàn trong khu vực lưu giữ chất thải nguy hại bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại mái được lợp bằng tôn và bố trí cửa đóng bằng sắt. Bố trí đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định. Trên từng thiết bị lưu chứa dán các dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa, mã chất thải nguy hại phù hợp với thành phần tính chất của các loại chất thải.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Bao bì PP, thùng.

- Diện tích khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường: 09 m<sup>2</sup>.

- Diện tích khu chứa phân: 98 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo chung của khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường: Nhà chứa bằng tường xây gạch; mái che lợp bằng tôn; nền đổ bê tông chống nước mưa từ ngoài tạt vào; có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt; mặt sàn bảo đảm kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào và bố trí cửa đóng bằng sắt.

- Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại gồm: Bao bì, vụn kim loại, bao bì, giấy loại,... được thu gom, lưu chứa tại khu lưu chứa chất thải thông thường diện tích 09 m<sup>2</sup>.

- Phân heo: Được thu gom về nhà ủ phân phân được đóng kín bằng bao bì chất liệu PP với quy cách khoảng 25 kg/bao đảm bảo cho chất thải có thể hoại mục nhờ ủ kỵ khí trong vòng khoảng 30 ngày, phân sau khi đã hoại mục hoàn toàn giao cho đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Đối với các loại chất thải như heo chết thông thường, nhau thai heo: Lưu trữ trong 03 tủ đông tại trại công suất tủ đông trữ xác heo chết với kích thước 3005 x 846 x 900 (mm). Tủ đông chứa heo chết không do dịch bệnh được bố trí tại một góc riêng của nhà chứa phân, khu vực được bố trí vách ngăn để ngăn riêng khu vực chứa phân và khu vực tủ đông. Định kỳ hàng tuần sẽ tiến hành thu gom và vận chuyển bằng xe chuyên dụng sau khi thu gom sẽ vệ sinh sạch sẽ.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

Thiết bị lưu chứa: Chất thải sinh hoạt được phân loại thành 03 nhóm là nhóm chất thải thực phẩm; nhóm chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng và nhóm chất thải còn lại tại nguồn phát sinh. Trại bố trí các thùng nhựa dung tích 240 lít, có nắp đậy kín, được bố trí trong khuôn viên trang trại.

### **2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:**

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ nguyên liệu, hóa chất**

- Khu vực lưu trữ có biển báo, có dữ liệu an toàn về hóa chất: tên (tên thương mại và tên thường gọi nếu có), thành phần hóa chất, tên và địa chỉ người cung cấp hoặc nơi sản xuất, cách sử dụng và lưu giữ hóa chất, những biện pháp sơ cứu, biện pháp phòng chống cháy, thông tin về tính chất vật lý, tính chất hóa học, độc tính.

- Được đánh dấu với ký hiệu cảnh báo thích hợp, có bảng hướng dẫn cụ thể tính chất của từng hóa chất, những điều cần tuân thủ khi sắp xếp, vận chuyển, san rót hóa chất.

- Khi làm việc với hóa chất cần mang các dụng cụ an toàn cá nhân như khẩu trang, kính bảo vệ, găng tay...

- Thường xuyên kiểm tra để phát hiện những mối nguy hiểm có thể dẫn đến rủi ro, hạn sử dụng của các loại hóa chất.

## **2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ**

Trại thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ như sau:

- Thiết lập quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với kết cấu xây dựng.

- Quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy.

- Thực hiện quy trình kỹ thuật an toàn về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với điều kiện của trang trại.

- Hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện, hệ thống chống sét, nơi sử dụng lửa, phát sinh nhiệt phải bảo đảm an toàn về phòng cháy chữa cháy.

- Bố trí lực lượng phòng cháy và chữa cháy, lực lượng này được tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và tổ chức thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

- Thường xuyên kiểm tra, thay thế các bóng đèn cũ bị hư hỏng để đảm bảo ánh sáng. Công nhân được hướng dẫn đầy đủ các biện pháp an toàn trong sử dụng điện, máy móc thiết bị, được khám sức khỏe định kỳ phát hiện sớm nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp để có biện pháp khắc phục.

## **3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố kho chứa chất thải nguy hại**

- Kho lưu giữ chất thải được bố trí mái che xung quanh có gờ bao để phòng khi có sự cố đổ vỡ, chất thải tràn ra ngoài gây nguy hiểm hoặc chất thải có thể lẫn vào nước mưa gây ô nhiễm môi trường.

- Nhà kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ chất thải nguy hại, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong nhà kho. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị phòng cháy chữa cháy, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.

- Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: Chủ cơ sở đã hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý sẽ có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

## **4. Phương án phòng ngừa sự cố từ hầm Biogas**

- Thường xuyên kiểm tra bạt HDPE nhằm phát hiện khí Metan có thể thoát ra ngoài và gây cháy khi gặp nguồn nhiệt.



- Lắp đặt các biển cấm công nhân hút thuốc và mang nguồn nhiệt đến gần hầm Biogas.

- Nhân viên vận hành hệ thống đốt khí gas liên tục để giảm thiểu sự cố dư gas trong hầm có thể gây nổ hầm biogas.

- Thường xuyên bảo trì bảo dưỡng hầm biogas, trong trường hợp xảy ra cháy nổ thực hiện ngay công tác bơm dẫn theo vòi nước phun chữa cháy. Báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp đám cháy vượt quá khả năng ứng cứu.

- Phòng chống lưu lượng nước thải tăng lên do mưa lớn: khu vực xử lý nước thải phải có đường thoát nước mưa riêng, không để nước mưa xả vào hệ thống xử lý nước thải.



## Phụ lục 5

### CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 140/GPMT-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

#### A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:** Đảm bảo quy mô, công suất đăng ký chăn nuôi của cơ sở là 2.400 con heo nái.

#### D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ủy ban nhân dân xã Xuân Hiệp, Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

